



CAO ĐÀI ĐẠI ĐẠO



TÂM NGUYÊN



TỪ ĐIỂN



Soạn giả:
Huỳnh Thế Nguyên & Nguyễn Lê Thủy
Bút-Hiệu: **NGUYÊN-THỦY**

Danh mục văn R

RA

- Ra Mồ Quạt Duyên

RẠT

- Rạc Tù

RẦM

- Rầm Thượng Nguơn

RẤP

- Rấp Nhập Cảnh Thiêng Liêng Hằng Sống

RÈN

- Rèn Lòng Sửa Nết
- Rèn Lòng Đạo Đức

RÊN

- Rên Siết

ROI

- Roi Dấu
- Roi Thần

RỎI

- Rối Rắm

RỘNG

- Rộng Thấy Xa Nghe

RÔNG

- Rông (Long)
- Rông Rắn

RỦ

- Rủ Ren Rủ Quén

RUỒI

- Ruổi Dong

RUỘT

- Ruột Rà Thương Nhau

RỬA

- Rửa Ráy

RỪNG

- Rừng Nhu Biển Thánh
- Rừng Thiền

RƯỚI

- Rươi
- Rươi Ân Thiên
- Rươi Khổ
- Rươi Lửa Phiền
- Rươi Giọt Nhàn Dương

RỰU

- Rượu Quỳnh



VẤN R

RA MỒ QUẠT DUYÊN

Ra mồ quạt duyên là nói việc quạt cái mà còn ướt của chồng cho mau khô đừng đi tìm duyên mới.

Diễn tích: Trang Tử là vị Tiên đắc đạo tại thế. Một hôm ông đi chơi ở mé chân núi, gặp một thiếu phụ còn trẻ đang mặc đồ tang, tay cầm cái quạt lớn, đứng quạt vào một nắm mồ mới đắp đất. Trang Tử thấy lạ đến gần hỏi thử cho biết nguyên do. Thiếu phụ đáp: Chồng tôi chết vừa mới chôn cất xong. Lúc hấp hối, chàng có trở lại rằng, chừng nào nắm mồ của chàng mồ khô cỏ ráo thì nàng mới được đi lấy chồng khác. Nay tôi thấy nắm mồ còn ướt mãi nên tôi lấy quạt ra đây quạt cho mau khô.

Trang Tử ngẫm nghĩ một lát rồi nói với Nàng là để ông giúp cho Nàng quạt mồ mau khô. Nói rồi, Trang Tử làm phép trên cái quạt, trao trả cho Nàng và chỉ quạt mấy cái thì mồ khô cỏ ráo liền. Nàng vui mừng không xiết, cảm tạ Trang Tử và tặng Trang Tử cái quạt làm kỷ niệm.

Bà Đoàn viết Nữ Trung Tòng Phận có câu:

Nào khi hỏi thăm hang Tử Thức,
Nào khi dò mấy bụi cầu ô.
Chừ sao kẻ Hớn người Hồ,
Để cho phòng hạnh **ra mồ quạt duyên**.

RẠC TÙ

F: Prison, cachot.

Rạc: nhà giam. Thường nói: ở tù ở rạc. Rạc tù là nhà tù, nơi giam giữ người có tội.

Kinh Sám Hối có câu:

*"Ở ngay thẳng Thân-minh bảo hộ,
"Nết xéo-xiên gặp chỗ **rạc tù**."*

RẪM THƯỢNG NGUƠN (Trung nguơn - Hạ nguơn)

E: The fifteenth day of the first lunar month (- 7th month, - 10th month)

F: Le quinzième jour du premier mois lunaire: (- 7è mois, - 10è mois)

Rằm: ngày trăng tròn, tức là ngày 15 mỗi tháng âm lịch.

Ngày rằm, chữ hán là Vọng nhật. Ngày mùng 1 âm lịch là Sóc nhật. Mỗi năm có 3 ngày rằm lớn:

Rằm Thượng nguơn là ngày 15 tháng giêng âm lịch.

Rằm Trung nguơn là ngày 15 tháng 7 âm lịch.

Rằm Hạ nguơn là ngày 15 tháng 10 âm lịch.

I. Rằm Thượng nguơn:

Theo **Nho giáo**, ngày rằm Thượng nguơn là lễ: "Thượng nguơn tứ phước Thiên Quan Đại Đế Thắng Hội", hay cũng gọi là: Thượng nguơn Thiên Quan Thánh Đản.

Tương truyền, Thiên Quan là vua Nghiêu.

Nho giáo chọn ngày rằm tháng giêng làm ngày kỷ niệm Thánh đản của vua Nghiêu.

Vua Nghiêu là vị Thánh vương thời thượng cổ của nước Tàu, lấy đức trị dân, làm cho dân được an cư lạc nghiệp, ấm no hạnh phúc, để lại tấm gương sáng làm mẫu mực cho các vua chúa đời sau.

Do đó, đời sau tặng vua Nghiêu danh hiệu: Thiên Quan Tứ Phước 天官賜福. Thiên Quan là ý nói cái đức của vua Nghiêu sánh như Trời, che trùm thiên hạ. Tứ Phước là ban phước cho dân. Thiên Quan Tứ Phước là vua Nghiêu ban phước cho dân.

Thời xưa, nhiều nhà lập bàn thờ vua Nghiêu bằng một cái khánh nhỏ đặt ngoài trời, trong đó có viết 4 chữ Hán "Thiên Quan Tứ Phước".

• **Đối với Đạo Cao Đài**, ngày Rằm Thượng ngươn là ngày cầu nguyện Cửu Huyền Thất Tổ được ân xá tội tình và cầu nguyện chư chiến sĩ trận vong cùng các đẳng chơn hồn được siêu thăng tịnh độ.

Do đó, lòng sớ dâng lên Đức Chí Tôn và chư Thần, Thánh, Tiên, Phật trong Đại Lễ Rằm Thượng ngươn, chép ra như sau đây:

"Kim vì vận hội Thượng ngươn, Ngọc Hư Cung Linh Tiêu Điện đại khai ân xá các đẳng linh hồn.

Chư Thiên phong nghiêm thiết đàn tràng, hương đăng hoa trà quả, thanh chước chi nghi, thành tâm hiến lễ.

Ngưỡng nguyện VÔ TRUNG TỬ PHỤ phát hạ hồng ân, hóa sanh đại đức, tùy ngươn vận hội, ân xá chư linh hữu công hành đạo, tế độ nhơn sanh, cập tiền vãng Thất Tổ, hậu vãng Cửu Huyền, do tử tôn lập thân hành đạo dĩ hiến phụ mẫu hiếu nghĩa vi tiên, chư chiến sĩ trung thành đồng cảm vị quốc vong thân, dĩ chí toàn thể lê dân thống khổ chiến tranh đồng thời tử nạn.

Nguyện cầu các đẳng linh hồn, cấp chư chiến sĩ vị quốc vong thân tảo đắc siêu thăng tịnh độ.

Chư đệ tử đồng thành tâm khấu bái cẩn sơ thượng tấu. Dĩ văn."

Dịch nghĩa ra Việt văn:

"Nay vì vận hội Thượng nguơn, Ngọc Hư Cung và Linh Tiêu Điện đại khai ân xá các cấp linh hồn.

Các Chức sắc Thiên phong trang nghiêm thiết lập đàn cúng tế, nhang, đèn, bông, trà, trái cây, rượu tinh khiết, làm thành nghi tiết, thành tâm dâng lễ.

Ngưỡng nguyện Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ trong cõi Hư Vô ban xuống hồng ân, hóa sanh đức lớn, tùy theo nguơn vận hội, ban ơn xá tội cho các chơn linh có công hành đạo, cứu giúp nhơn sanh, và Thất Tổ đã qua trước, Cửu Huyền đã qua sau, do con cháu lập thân hành đạo để hiển dương lên cha mẹ vì hiếu nghĩa làm đầu, các chiến sĩ trung thành dũng cảm vì nước quên mình, đến toàn thể dân chúng đau khổ vì chiến tranh đồng thời tử nạn.

Cầu nguyện các đẳng linh hồn và các chiến sĩ vì nước quên mình sớm được siêu thăng lên miền tịnh độ.

Các đệ tử đồng thành tâm cúi lạy kính cẩn dâng sơ tâu lên. Kính trình."

Cũng trong dịp rằm Thượng nguơn này, Hội Thánh tổ chức cúng tế Cửu Huyền Thất Tổ và Chiến sĩ trận vong nơi Trai đường, sau đó là cúng tế và Cầu Siêu Hội các đẳng vong linh nơi Khách Đình.

Tám phan lễ Cầu Siêu Hội là cây phướn chiêu hồn, kêu gọi các đẳng vong hồn đến hưởng lễ tế điện và cầu siêu.

Tám phan đó được viết như sau:

THIÊN VẬN THƯỢNG NGUYÊN ĐẠI KHAI ÂN XÁ
ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(Lục thập bát niên)

Tam giáo qui nguyên, Ngũ chi phục nhứt.

Thiên vận Quý Dậu niên, Chánh nguyệt, thập lục nhứt, ngọc thời,
Thiên ân xá tội.

Hội Thánh thiết lễ Tế Điện Cầu Siêu Hội.

Cẩn thỉnh:

- Đẳng đẳng chư vong linh nam nữ quá vãng sanh bất
phùng thời,
- Chư chiến sĩ trận vong,
- Hoặc sĩ, nông, công, thương vô can tử nạn,
- Cập thập loại cô hồn yếu tử,

Cấp cấp đáo lai Khách Đình đàn nội,
Thọ hưởng hồng ân đồng đẳng bỉ nạn.

Dịch nghĩa ra Việt văn:

VẬN TRỜI RẪM THƯỢNG NGUYÊN ĐẠI KHAI ÂN XÁ
ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(Năm đạo thứ 68)

Tam giáo qui nguyên, Ngũ chi phục nhứt

Vận Trời năm Quý Dậu, tháng giêng, ngày 16, giờ Ngọ, ơn
Trời xá tội.

Hội Thánh thiết lễ Tế Điện và Cầu Siêu Hội.

Kính mời:

- Các cấp chư vong linh nam nữ đã chết, sanh không
gặp thời,
- Chư chiến sĩ chết nơi mặt trận,
- Hoặc các vị trong Sĩ, Nông, Công, Thương, vô can
chết vì tai nạn,

- Và mười loại cô hồn chết yểu,

Mau mau đến Khách Đình, vào trong đàn tế,
Thọ hưởng ơn Trời, cùng qua bờ giác.

II. Rằm Trung nguơn:

Ngày rằm Trung nguơn là lễ "Trung nguơn Địa Quan Thánh Đản" hay cũng gọi là Trung nguơn Địa Quan Xá Tội.

Tương truyền Địa Quan là vua Thuấn.

Nho giáo chọn ngày rằm tháng 7 âm lịch làm ngày kỷ niệm Thánh đản của vua Thuấn.

Vua Thuấn là một vị Thánh vương của nước Tàu thời thượng cổ, Ngài nổi tiếng là người con hiếu thảo, đứng đầu Nhị thập tứ Hiếu.

Vua Nghiêu nghe ông Thuấn là trang hiếu thảo đệ nhất nên tìm đến gặp ông Thuấn, rồi đem hai con gái là Nga Hoàng và Nữ Anh gả hết cho ông Thuấn, xem xét cách ăn ở của ông Thuấn trong 3 năm, thấy quả thật Thuấn là người hiền nên vua Nghiêu quyết định truyền ngôi vua cho ông Thuấn.

Đức của vua Thuấn cũng ban rải khắp thiên hạ, nên dân chúng đều được thái bình an lạc.

Trong sách Trung Dung, Đức Khổng Tử rất khen ngợi vua Thuấn: "Hạnh hiếu của vua Thuấn lớn lắm vậy! Luận về đức, Ngài là bậc Thánh hơn; luận về sang thì Ngài ở ngôi Thiên tử; luận về giàu thì gồm bốn biển, ông bà cha mẹ được hưởng cúng tế trong tông miếu (đó là quang ư tiền), con cháu được triều đình ban cho phước lộc (đó là dụ ư hậu)."

Vì hiếu của Ngài rất lớn nên đời sau tặng cho Ngài là Địa Quan Xá Tội 地官赦罪.

Do đó, trong ngày rằm tháng 7, người nào nhớ tưởng đến ông bà cha mẹ quá vãng mà thực lòng cầu khẩn cho ông bà cha mẹ được siêu thăng thì được vua Thuấn cảm ứng, xem xét

lòng hiếu thảo của người con mà xá tội cho ông bà cha mẹ khỏi chịu hình phạt nơi cõi Âm phủ.

Đức của vua Thuần rộng lớn như Đất (Địa), nghĩa là gánh chở tất cả thiên hạ, bao dung không phân biệt hạng người nào, nên mới tôn Ngài là Địa Quan.

Như vậy, theo Nho giáo, ngày rằm Trung nguơn là ngày kỷ niệm Thánh đản của vua Thuần. Ngài là Địa Quan Xá Tội, cảm ứng với những người nào có lòng thành cầu khẩn cho ông bà cha mẹ quá vãng bị đọa đầy nơi cõi Âm được siêu thăng.

• **Bên Phật giáo**, ngày rằm Trung nguơn là ngày rất quan trọng vì Phật dạy thiết lễ Vu Lan Bồn.

Vu Lan Bồn là tiếng phiên âm từ tiếng Phạn: Ullambana, Ullam là Vu Lan, Bana là Bồn, người Tàu dịch nghĩa là: Giải đảo huyền, tức là cởi trói người bị treo ngược, ý nói cứu vớt những kẻ đau khổ nặng nề.

Ngài Mục Kiền Liên, đệ tử của Đức Phật Thích Ca, tu hành chứng được quả A-La-Hán, đạt được Lục Thông (6 phép Thần thông), tưởng nhớ đến công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ, Ngài liền dùng thần nhãn thấy được mẹ đang bị đọa làm Ngạ quỷ nơi Âm phủ, thân thể ốm gầy tiều tụy, bụng lớn đầu to, cổ nhỏ như ống chỉ, không ăn uống gì được nên suốt năm chịu đói khát luôn luôn. Ngài Mục Kiền Liên thương xót mẹ quá nên Ngài vận thần thông đem bát cơm đến dâng cho mẹ. Bà mẹ vì quá khao khát nên khi cầm được chén cơm thì lòng ích kỷ nổi lên, sợ người khác cướp giật, lấy tay trái che giấu chén cơm, tay mặt bốc ăn. Bởi lòng tham lam độc ác trong tiền kiếp nổi bừng lên nên khi đưa cơm vào miệng, thì cơm hóa thành lửa, bà chẳng ăn được, vẫn phải chịu đói khát.

Ngài Mục Kiền Liên thấy thế thì hết sức đau buồn, kêu khóc thảm thiết. Ngài đến bạch hỏi Đức Phật Thích Ca, cầu xin Đức Phật dạy cách cứu độ thân mẫu.

Đức Phật Thích Ca dạy rằng:

- Nay Mục Kiều Liên, mẹ của ông do lòng tham lam độc ác, tạo ra tội lỗi nặng nề, trải qua nhiều kiếp, nay bị đọa vào ác đạo làm loài ngạ quỷ, nên không thể một mình ông cứu độ được. Mặc dầu lòng hiếu thảo của ông lớn lao nhưng không làm sao chuyển được hoàn cảnh, chẳng khác gì một chiếc thuyền con không thể chở nổi một tảng đá lớn.

Vậy ông phải nhờ oai thần của chúng tăng trong mười phương, đức lớn như biển, mới cứu độ mẹ ông được giải thoát.

Ta nay vì ông, chỉ dạy phương pháp cứu độ cha mẹ ông thoát khỏi các điều đày đọa khổ sở nơi cõi Âm phủ.

Này Mục Kiều Liên! Ngày rằm tháng 7 là ngày tự tứ của chư tăng trong mười phương, sau 3 tháng an cư kết hạ, tinh tấn tu hành. Ngày ấy cũng là ngày hoan hỷ của chư Phật vì thấy chư tăng tiến bộ rất nhiều trên đường tu học, các nghiệp được thanh tịnh, ba món vô lậu học được tăng trưởng, công đức thêm nhiều và đến ngày viên mãn. Vậy ông nên nhân ngày ấy làm lễ Vu Lan Bồn để báo hiếu cho cha mẹ ông, và cầu xin cho mẹ ông được giải thoát khỏi nơi ác đạo.

Ông hãy sắm đủ các món hương trầm mùi, năm thứ trái cây, cùng nhang dầu đèn nến, giương chiếu, mùng mền, quần áo, thau rửa mặt, khăn lau tay, tóm lại là đủ bốn món cúng dường quý báu trong đời, rồi ông phải thân hành đi rước các vị đại đức cao tăng trong mười phương, hoặc những vị thiền định trong núi rừng chứng được bốn quả Thánh, các vị kinh hành dưới cội cây được sáu phép thần thông tự tại như hàng Thanh văn, Duyên giác, các vị Thánh tăng, hoặc Thập Địa Bồ Tát thị hiện làm Tỳ Kheo, v.v.... Ông phải thành tâm kính lễ trai tăng, cúng dường và thỉnh cầu chư tăng chú nguyện cho linh hồn mẹ ông được thoát khổ. Nhờ công đức chí thành chú nguyện, linh hồn của mẹ ông sẽ được siêu thoát, cũng như tảng đá dù nặng ngàn cân, song nhiều người khiêng thì dời nó đi đâu cũng được.

Ngài Mục Kiều Liên vâng theo lời Phật dạy, đến ngày rằm tháng 7 làm lễ Vu Lan, nhờ đó mà thân mẫu của ông được thoát kiếp ngạ quỷ, siêu thăng về cõi giới lành. Sau khi thấy phép Vu Lan có kết quả tốt đẹp, Ngài Mục Kiều Liên hết sức vui mừng, bạch hỏi Đức Phật Thích Ca:

- Bạch Thế Tôn, thân mẫu của đệ tử nhờ công đức Tam bảo và oai thần của chư tăng, nên được thoát kiếp ngạ quỷ khổ não. Vậy về đời sau, trong hàng Phật tử, nếu có người muốn làm lễ Vu Lan Bồn này để cứu độ cha mẹ của họ trong hiện tại hay trong nhiều kiếp trước, chẳng biết có được không?

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Quý lắm! Nay Mục Kiều Liên, đời sau nếu có được các Tỳ Kheo, vua, thái tử, các quan, hàng tam công cho đến thứ dân, vì lòng hiếu thảo, muốn đền đáp công ơn cha mẹ hiện tại hay quá khứ, thì cứ ngày rằm tháng 7 mỗi năm, là ngày Phật hoan hỷ, làm lễ Vu Lan này, để cúng dường trai tăng. Nhờ công đức của chư tăng chú nguyện, cha mẹ hiện tại được tăng long phước thọ, khỏi những điều tai họa khổ não, còn cha mẹ đời trước thì khỏi khổ ngạ quỷ, được sanh vào cõi Nhơn Thiên, hưởng phước vui vẻ không cùng.

Khi đó Ngài Mục Kiều Liên và bốn chúng đệ tử đều hoan hỷ vâng làm.

Và từ đó về sau, mỗi năm cứ đến ngày rằm tháng 7 âm lịch, các hàng Phật tử có hiếu đều làm lễ Vu Lan để đền đáp công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ.

Chú thích vài từ ngữ của Phật giáo:

Tự tứ: tùy ý, tức là tự mình khai tội ra trước Giáo hội mà sám hối. Ngày tự tứ được Giáo hội qui định là ngày rằm tháng 7 âm lịch.

An cư kết hạ: ở yên kết lại với nhau trong mùa hạ lo tu học. Thời gian an cư kết hạ gồm 3 tháng: từ rằm tháng 4 đến rằm tháng 7.

Vô lậu là dứt phiền não. Phiền não do 3 thứ: Tham, Sân, Si.

Trai tăng: đãi các nhà sư ăn tiệc chay.

Tóm lại, ngày rằm tháng 7 tức là rằm Trung nguơn, Nho giáo và Phật giáo đều định cho là ngày con báo hiếu cha mẹ.

- Nho giáo thì khuyên chư nhu cúng lễ: Địa Quan Xá Tội, Ngu Thuấn Đại Đế, tức là cúng và cầu nguyện vua Thuấn xá tội cho cha mẹ, để cha mẹ được thoát khỏi các cảnh khổ não nơi cõi Âm phủ.

- Phật giáo thì Đức Phật Thích Ca dạy các Phật tử làm lễ Vu Lan Bồn, trai tăng cúng dường chư Đại Đức, Tỳ Kheo, tăng ni, để nhờ chư tăng ni chú nguyện cho cha mẹ được thoát khỏi các cảnh đày đọa khổ não nơi cõi Địa ngục.

• **Đối với Đạo Cao Đài**, ngày rằm Trung nguơn không có cầu nguyện cho Cửu Huyền Thất Tổ (vì đã cầu nguyện trong rằm Thượng nguơn), chỉ cầu nguyện các chiến sĩ trận vong và các đẳng vong hồn vừa qui liễu từ rằm tháng giêng đến rằm tháng 7 âm lịch.

Lòng sớ cúng Đại lễ rằm Trung nguơn chép ra như sau:

"Kim vì vận hội Trung nguơn, Ngọc Hư Cung đại khai ân xá các đẳng linh hồn.

Chư Thiên phong nghiêm thiết đàn tràng, hương đăng hoa trà quả, thanh chước chi nghi, thành tâm hiến lễ.

Ngưỡng vọng VÔ TRUNG TỬ PHỤ phát hạ hồng ân, hóa sanh đại đức, tùy nguơn hội ân xá chư linh hữu công hành đạo, thọ khổ tế độ nhưn sanh, dĩ vong tánh mạng, cập chư chiến sĩ trung thành đồng cảm vị quốc vong thân, chí toàn thể lê dân thống khổ chiến tranh đồng thời tử nạn, nguyện cầu các đẳng linh hồn tảo đấc siêu thăng tịnh độ.

Chư đệ tử đồng thành tâm khấu bái cẩn sớ thượng tấu. Dĩ văn."

Dịch nghĩa ra Việt văn:

Nay vì vận hội Trung nguyên, Ngọc Hư Cung đại khai ân xá các cấp linh hồn.

Các Chức sắc Thiên phong trang nghiêm thiết lập đàn cúng tế, nhang, đèn, bông, trà, trái cây, rượu tinh khiết, làm thành nghi tiết, thành tâm dâng lễ.

Ngưỡng nguyện Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ trong cõi Hư Vô ban xuống hồng ân, hóa sanh đức lớn, tùy theo nguyên vận hội, ban ơn xá tội cho các chơn linh có công hành đạo, chịu nhiều khổ nhọc, cứu giúp nhơn sanh, đã mất tánh mạng, cùng các chiến sĩ trung thành dũng cảm vì nước quên mình, đến toàn thể dân chúng đau khổ vì chiến tranh đồng thời tử nạn.

Cầu nguyện các đẳng linh hồn sớm được siêu thăng tịnh độ.

Các đệ tử đồng thành tâm cúi lạy kính cẩn dâng sớ tâu lên. Kính trình.

Và sau đó thì cúng tế và Cầu Siêu Hội các đẳng chơn hồn nơi Khách Đình, cũng giống y như kỳ rằm Thượng nguyên.

III. Rằm Hạ nguyên:

- Theo Nho giáo, ngày rằm Hạ nguyên là lễ: Thủy Quan Giải Ách 水官解厄, hay nói đầy đủ là: Hạ nguyên Giải Ách Thủy Quan Đại Đế Thắng Hội.

Tương truyền, Thủy Quan là vua Hạ Võ, vị vua có công lớn với dân chúng vào thời thượng cổ nước Tàu, vì vua Hạ Võ trị thủy thành công, hết nạn nước lụt hằng năm. Nhờ công lớn này, vua Thuấn nhường ngôi cho Hạ Võ, mở ra nhà Hạ.

Đời sau chọn ngày rằm Hạ nguyên làm ngày Thánh đàn của vua Hạ Võ, và dân chúng tặng Ngài danh hiệu Thủy Quan Đại Đế để nhắc lại công đức trị thủy của Ngài, và cũng có ý nói

rằm: công đức của vua Hạ Võ nhiều như nước, làm lợi rất lớn cho cả thiên hạ.

Đến ngày rằm Hạ nguơn, dân chúng cúng tế và cầu nguyện vua Hạ Võ cởi bỏ hết các tai ách cho dân chúng nhờ.

- **Đối với Đạo Cao Đài** thì rằm Hạ nguơn là ngày kỷ niệm Đại lễ KHAI ĐẠO, có tổ chức cúng Đại đàn Đức Chí Tôn và các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Lòng sớ cầu nguyện Đức Chí Tôn y như lòng sớ cúng rằm Trung nguơn.

Sau đó thì tổ chức cúng tế và Cầu Siêu Hội cho các đấng vong linh và các chiến sĩ trận vong nơi Khách Đình, tẩm phan làm phước chiêu hồn y như kỳ rằm Thượng nguơn.

Tóm lại:

- **Theo Nho giáo:**

Ba ngày rằm lớn trong năm là 3 ngày đại lễ kỷ niệm Thánh đàn của 3 vị Thánh vương thời thượng cổ nước Tàu, có nhiều công đức đối với dân chúng:

Rằm Thượng nguơn, cúng tế vua Nghiêu với tôn hiệu là: Thiên Quan Tứ Phước.

Rằm Trung nguơn, cúng tế vua Thuấn với tôn hiệu là: Địa Quan Xá Tội.

Rằm Hạ nguơn, cúng tế vua Hạ Võ (Hạ Vũ) với tôn hiệu là: Thủy Quan Giải Ách.

- **Theo Phật giáo:**

Chỉ có ngày rằm Trung nguơn là làm lễ Vu Lan nơi các chùa, cúng dường chư tăng ni, đại đức, để cầu xin chư tăng ni chú nguyện, giải thoát cha mẹ đã chết khỏi các khổ hình nơi cõi Âm phủ và được siêu thăng, hoặc cầu cho cha mẹ còn sống được tăng long phước thọ.

• Theo Đạo Cao Đài:

Ba ngày rằm Thượng ngươn, Trung ngươn và Hạ ngươn đều thiết đại lễ cúng Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật nơi Tòa Thánh, Thánh Thất, Báo Ân Từ và các Điện Thờ Phật Mẫu, để dâng sớ cầu nguyện cho các đảng chơn hồn vừa mới qui liễu vì đau bệnh hay vì tai nạn, cùng với các chiến sĩ vị quốc vong thân vừa tử trận, tất cả đều được siêu thăng lên miền tịnh độ. Việc Cầu Siêu Hội được tổ chức nơi Khách Đình.

Đặc biệt trong ngày rằm Thượng ngươn, các tín đồ của Đạo Cao Đài lập sớ dâng lên Đức Chí Tôn, lấy công quả hành đạo để cầu nguyện cho Cửu Huyền Thất Tổ và phụ mẫu được siêu thăng lên miền Cực Lạc.

RÁP NHẬP CẢNH THIÊNG LIÊNG HẰNG SỐNG

Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối

*"Ráp nhập cảnh Thiêng liêng Hằng sống.
"Chốn quê xưa giải mộng trần gian."*

RÈN LÒNG SỬA NẾT

Rèn lòng sửa nét: luyện tập, tu sửa tánh tình

Kinh Sám Hối rằng:

*"Giữ cho trong sạch linh hồn,
"Rèn lòng sửa nét đức tồn hậu lai."*

RÈN LÒNG ĐẠO ĐỨC

Rèn lòng đạo đức: tu sửa tâm tính theo con đường đạo đức

Rèn là một cách làm cho một vật từ vô dụng thành hữu dụng. Ví như một thanh sắt thép nếu để nguyên dạng thì không sử dụng được, phải nhờ tay thợ rèn trui vào lửa rồi đập ra mới thành con dao, cái kéo mà dùng. Cái tâm đạo đức của người cũng vậy mới siêng năng trau dồi, học hỏi mới có giá trị cao.

Năm 1928 (Mậu Thìn) Đức Nhân Âm Đạo Trưởng giảng

"Chư Đạo Hữu biết trước, muốn **rèn lòng đạo đức** phải khởi nơi đâu cho chắc bước đường chẳng? - Đạo đức cần trau nơi Tâm là chỗ chẳng ai thấy được. Rèn trau cho thuần tâm mỹ tánh, rồi mới lần đến bề ngoài, trọn hết cả ngoài trong, thì chừng ấy thân hình tâm trí chắc khư, nào ai chuyển lay cho được. Lo ngoài quên trong, che bề trong trau bề ngoài, ấy là cách thức của Hồn Lưu Bang đối đãi với tướng sĩ đó, cũng như có xác không hồn, chuộng hữu hình mà quên các huyền bí chơn truyền. Than ôi! Có hình thể xương thịt mà chơn hồn phưởng phất nơi xa, thì cái thân vô dụng ấy trơ trơ như khối đá dựa đường, như khúc cây bên trũng. Có đèn dầu đầy mà thiếu hơi lửa nhen lên, thì cũng phải mờ mịt thâm u, trông chi soi sáng. Ấy vậy, nên biết mà răn mình. Cái Tâm là vật người không thấy được, khá giỏi trau nó trước. Nếu bỏ Tâm kia ra ngoài mà rèn hình thể thì chẳng khác chi quì đọc kinh, đèn đốt đồ hừng, mà thiếu bức Thiên Nhân trên điện vậy. Hồn ma bóng quế cũng lên ngôi, mà ngạ quỉ vô thường cũng xấn bản, đó là phương đem đường cho Quỷ vương, chẳng một ai tránh được, nghe! Nên hiểu kỹ lời, bằng chẳng thấu thì tu có ích chi!"..

RÊN SIẾT

Rên siết: than van, kêu khóc thảm thiết.

Kinh Sám Hối có câu:

*"Thành Uông-Tử cheo-leo gớm ghiếc,
"Cầm hồn oan **rên siết** khóc than."*

ROI DẤU

E: To leave a vestige.

F: Laisser un vestige.

Roi dấu: Để lại dấu tích, lưu lại vết tích.

Bài thái hiến lễ hàng Thánh, Thần:

Thoát trần **roi dấu** tiêng anh phong.

ROI THÂN

Roi thân: cây roi bằng điện quang

Kinh Đệ Tứ Cửu có câu:

*"Trừ quái khí **roi thân** chớp-nhoáng,
"Bộ Lô-Công giải tán trược-quang
"Cửa lầu Bát-Quái chun ngang,
"Hỏa-Tinh Tam-muội thiêu tàn oan-gia."*

RỐI RẪM

F: Complicqué.

Rối rắm: Phiền phức, phức tạp, rắc rối, cầu kỳ.

Thi văn dạy Đạo có câu:

Cái bả vinh huê đời **rối rắm**,
Nguồn đào thông thả đã là đâu?

RỘNG THẤY XA NGHE

Đức Lý dạy: "Nếu mong nghe một bả mười thì đâu **rộng thấy xa nghe**, xác phàm cũng khó làm cho vẹn toàn được. Đạo Hữu đã để tắc thành vào nền Đạo, nhưng nên ngăn ngừa các tánh chất bất công của nhiều Đạo hữu và phải năng xem Thánh Ngôn của Đức Từ Bi đã dạy trong lúc lập Tân Luật, hầu dạy trở cho mình chánh trong đường Đạo. Đức Từ Bi hằng dạy về sự chung trí hiệp lòng mà làm cho an phận sự. Đạo Hữu khá vì đó mà giữ nét yên tịnh cho các Tín đồ và do nơi Tân Luật thì khỏi điều chi gay trở."

RỒNG (LONG)

E: The dragon.

F: Dragon.

Rồng là một trong Tứ linh, tức là bốn con thú linh thiêng: Long, Lân, Qui, Phụng. Mỗi khi chúng xuất hiện là báo điềm lành có Thánh nhân ra đời.

Rồng là con vật ở cõi vô hình theo truyền thuyết, khoa khảo cổ học chưa chứng minh được rồng là con vật có thật như các con vật khác như Rùa, chim Phụng. Theo Thần thoại, Rồng có hình dạng rất lạ kỳ: Đầu rồng giống đầu đà, sừng giống sừng nai, cổ giống cổ rắn, bụng giống bụng con giao, mắt giống mắt thỏ, tai giống tai bò, chân giống chân cọp, móng giống móng chim ưng, vẩy rồng giống như vẩy cá lỵ. Có rất nhiều loại rồng, được phân chia theo màu sắc, hình dạng, hay phận sự của nó.

- Phân theo màu sắc, hình dáng, nhiệm vụ
- Những sự kiện lịch sử liên quan đến Rồng
- Hình tượng Rồng trong văn hóa Trung quốc
- Hình tượng Rồng trong Chu Dịch
- Tạm kết

Phân theo màu sắc: Rồng có 5 loại theo 5 màu.

- Bạch Long (Rồng trắng): nơi Bát Quái Đài Tòa Thánh có 8 con rồng trắng, canh giữ nơi thờ phượng trong Bát Quái Đài.
- Huỳnh Long (Rồng vàng): có 8 con rồng vàng quấn 8 cây cột nơi Bát Quái Đài và hai con rồng vàng quấn quanh hai cây cột nơi Cung Đạo.
- Thanh Long (Rồng xanh): quấn trên 18 cây cột của Cửu Trùng Đài.
- Xích Long (Rồng đỏ) quấn trên 2 cây cột dưới bao lơn trước Tòa Thánh.
- Hắc Long (Rồng đen)

Phân theo hình dáng có 3 loại

- Rồng trẻ, đầu chưa có sừng, gọi là Ly Long.
- Rồng sống được 500 năm thì mọc sừng, gọi là Cù Long.
- Rồng sống 1000 năm mọc thêm cánh, gọi là Ứng Long.

Phân chia theo nhiệm vụ có 4 loại:

- Thủ Thiên Cung Long: Rồng giữ Thiên Cung.

- Hành Võ Long: Rồng làm mưa
 - .Rồng làm mưa gió thuận hòa gọi là Thiện long.
 - .Rồng làm mưa to, bão lụt gọi là Ác long.
- Địa Long: Rồng ở dưới đất sâu, làm hầm, khoét hang, làm cho đất khuyết thành sông thành hồ.
- Phục Tạng Long: Rồng gìn giữ kho tàng của vua Chuyển Luân Thánh Vương và của các nhà phước đức lớn.

Rồng là loài biến hoá, làm sáng được, làm tối được, làm lớn được, làm nhỏ được để có thể chun vào một cái lọ nhỏ, làm dài được để có thể quán quanh một hòn núi. Nhằm tiết Xuân phân, Rồng bay lên Trời, nhằm tiết Thu phân, Rồng trầm xuống vực sâu. Tương truyền, Rồng ở đáy biển, gọi là Long Vương, có cung điện, lâu đài, có tổ chức vua, quan và dân. Rồng làm vua, cá lớn làm quan, cá nhỏ làm dân.

Theo Truyện Phong Thần và Truyện Tây Du, bốn biển có Tứ Hải Long Vương:

- .Đông Hải Long Vương tên là Ngao Quảng,
- .Nam Hải Long Vương tên là Ngao Thuận,
- .Tây Hải Long Vương tên là Ngao Khâm,
- .Bắc Hải Long Vương tên là Ngao Nhuận.

Con ngựa trắng (Bạch mã) mà Thầy Tam Tạng cỡi đi Tây phương thỉnh kinh là do một con rồng nhỏ biến thành. Con Tiểu long này vốn là con của Bắc Hải Long Vương Ngao Nhuận vì phạm tội nặng, bị bắt treo lên chờ xử trảm. May mắn gặp Đức Quan Âm Bồ Tát đi ngang qua, thấy vậy thương tình, cầu xin Thượng Đế tha chết cho Tiểu long, để sau này Tiểu long biến hóa thành con Bạch mã đỡ chân Tam Tạng đi Tây phương thỉnh kinh, lấy công chuộc tội. Nhờ vậy, sau này bạch mã biến trở lại thành Rồng, trở về Long Cung.

Có loại rồng lai với ngựa, tạo thành một con thú linh mình ngựa đầu rồng, gọi là Long mã.

Những sự kiện lịch sử liên quan đến RỒNG:

- Theo Sử Ký nước Việt Nam ta, Lý Công Uẩn lên ngôi vua hiệu là Lý Thái Tổ, thấy đất Hoa Lư chật hẹp, nên muốn đóng đô ở La Thành. Khi nhà vua đến La Thành xem xét, thấy có một con Rồng vàng xuất hiện bay thẳng lên Trời. Nhà vua biết đó là điềm lành, nên chọn La Thành làm kinh đô và đổi tên lại là Thăng Long (Rồng bay). Nhà Lý truyền được 9 đời vua, kéo dài được 215 năm.

- Ở nước Tàu thời Thượng cổ, vua Hiên Viên Huỳnh Đế cùng Hoàng Hậu tu hành đắc đạo thành Tiên. Khi đúc xong cái đỉnh có hình cái hồ lô thì có Rồng vàng (Huỳnh long) hạ giáng, chাম râu vào đỉnh, sau đó, vua và hoàng hậu cỡi rồng bay lên cõi Tiên.

- Thời Đông Châu Liệt Quốc, Tiêu Sử cưới nàng Lộng Ngọc, con gái út của vua Tần Mục Công. Sau đó hai vợ chồng đều thành Tiên, Tiêu Sử cỡi rồng, Lộng Ngọc cỡi phụng, cùng bay lên Trời.

Hình tượng Rồng trong văn hóa Trung quốc:

Rồng là một trong bốn linh vật mà Lễ Ký chép: "Long, Lân, Qui, Phụng, vị chi tứ linh" (Rồng, Lân, Rùa, Phượng, gọi là tứ linh). Bốn linh vật này chỉ có rùa là có thực, còn lại chỉ là những con vật huyền thoại, chưa ai từng thấy. Tuy xếp hàng thứ tư trong Tứ linh nhưng Rồng có ảnh hưởng không nhỏ trong đời sống tâm linh của người dân Trung Quốc. Cuối năm 1987 tại huyện Bộc Dương, tỉnh Hà Nam, người ta khai quật được một con rồng bằng gốm, giám định là có 6 ngàn năm tuổi. Như vậy điều này càng chứng minh thêm sự sùng bái rồng trong xã hội nguyên thủy. Sùng bái rồng trong xã hội nguyên thủy chiếm địa vị trọng yếu trong tín ngưỡng linh vật

hay vật tổ và liên quan mật thiết đến chính trị, kinh tế, văn học nghệ thuật, phong tục dân gian từ đời Hạ, đời Thương và ảnh hưởng này kéo dài mấy ngàn năm không suy giảm. Rồng luôn hiện hữu trong các chuyện thần thoại Trung Quốc, trong các cổ vật, tranh vẽ, lời bói trên mai rùa xương thú khai quật được và trong các thư tịch cổ như Chu Dịch, Sơn Hải Kinh, Tả Truyện.

Rồng chữ Hán viết là Long 龍 Rồng đứng đầu các loài có vẩy, có thể ẩn hiện, biến hóa nhỏ hoặc lớn, dài hoặc ngắn; tiết xuân phân thì bay lên trời, tiết thu phân lặn sâu ở đáy vực)

Về hình thể, theo truyền thuyết Rồng là một tổng hợp của nhiều động vật: đầu lạc đà, sừng nai, mắt thỏ, tai trâu, cổ rắn, bụng ếch, vẩy cá chép, móng vuốt chim ưng, lòng bàn chân cạp. (Tất nhiên đây là sự lai chủng trong huyền thoại, không phải sự lai chủng theo khoa sinh vật thực nghiệm). Trên sống lưng có 81 vẩy. Hai bên khoé miệng có những sợi râu dài, cằm có râu mang một hạt minh châu. Rồng không nghe được (có lẽ người ta tin tưởng như vậy mà điếc (deaf) trong chữ Hán gọi là lung 聾 gồm chữ long 龍 ghép với chữ nhĩ 耳). Rồng thở ra mây, đôi khi thành mưa hoặc lửa. Âm thanh của rồng rít lên như tiếng giông bão. Có nhiều chủng loại: có sừng, không sừng, có vẩy, không vẩy, có cánh hoặc không.

Vì dân Ai Cập cổ đại thờ cá sấu làm vật tổ nên có thuyết cho rằng: Tương tự như thế, có lẽ rồng chỉ là một biến thể của cá sấu (ngọc 鱷), thỉnh thoảng xuất hiện nơi sông Dương Tử 揚子 gọi là Dương Tử ngọc 揚子鱷. Cấu tạo chữ long 龍 theo Thuyết Văn Giải Tự là do ba chữ nhục 肉 (thịt, biến thể là 月), phi 飛 (bay), đồng 童 (làm thanh phù, giản lược còn chữ lập 立 trên đầu). Vậy quan niệm rồng biết bay đã có từ cổ đại. Nhưng xét kỹ các chữ trên giáp cốt, bộ phận bên trái (立 và 月) có thể 立 là đầu, 月 là bụng và bộ phận bên phải là lưng gồ lên và đuôi có gai chĩa lên (giống như ở cá sấu).

Có thể rồng là vật tổ tổng hợp các vật tổ khác như cá sấu, lạc đà, thỏ, trâu, rắn, ếch, cá chép, chim ưng, cọp. Trong các chủng loại rồng, người ta phân biệt ba loại chính: Long 龍 (uy mãnh, ở trên trời); ly 虺 (không sừng, sống dưới biển); giao 蛟 (có vảy, sống nơi đầm lầy hoặc hang núi).

Tên chữ Hán các loại rồng thường thuộc bộ trùng 虫 hoặc bộ long 龍, thí dụ như: cầu 虯 (rồng có sừng), giao 蛟 (thuồng luồng), ly 虺 (rồng màu vàng không sừng), ly 虺 còn gọi là luân 輪 (rồng không sừng sống dưới biển), linh 靈 (rồng), khảm 龕 (rồng con), đạp 籟 (phi long: rồng bay). Hình thức ban đầu của chữ long là quỳ 夔. Đó là loài rồng mang đến sự may mắn, có một chân, mặt người, và thường được khắc trên đồ đồng cổ đại. Người ta còn phân biệt: thiên long 天龍 (rồng trời), thần long 神龍 (rồng thần), phục tàng long 伏藏龍 (rồng nằm che giấu kho báu), ứng long 應龍 (rồng có cánh), cầu long 虯龍 (rồng có sừng), ly long 虺龍 (rồng không sừng), bàn long 蟠龍 (rồng nằm cuộn tròn), hoàng long 黃龍 (rồng vàng xuất hiện nơi sông Lạc 洛 để dâng Lạc Thư 洛書 cho Phục Hy 伏羲). Theo những từ ngữ này thì rồng có thể cỡi mây đạp gió, bơi lặn dưới nước, ẩn sâu đáy vực, và đi trên mặt đất như Kinh Dịch nói «Hiện long tại điền» 見龍在田. Cái dáng đi của rồng trên mặt đất đôi khi chậm chạp nặng nề mà tự điển Khang Hi miêu tả bằng chữ đạp đạp 羸羸. Rồng linh thiêng biến hóa vô chừng, nên Khổng Tử đã thú nhận: «Điều, ngô tri kỳ năng phi; ngư ngô tri kỳ năng du; thú, ngô tri kỳ năng tẩu; [...] chí ư long, ngô bất năng tri kỳ thừa phong vân nhi thượng thiên.» 鳥, 吾知其能飛; 魚吾知其能游; 獸吾知其能走; [...] 至於龍, 吾不能知其乘風雲而上天 (Chim, ta biết nó bay thế nào; cá, ta biết nó lội thế nào; thú, ta biết nó chạy thế nào; [...] đến như

rồng thì ta không biết nó cỡi mây đạp gió mà bay lên trời ra sao).[13] Rồng được xem là linh thiêng

HÌNH TƯỢNG RỒNG TRONG CHU DỊCH

Rồng được đề cập 16 lần trong Chu Dịch: trong các quẻ Càn 乾, Khôn 坤, Chấn 震, và trong Hệ từ 繫辭. Hình tượng rồng trong Chu Dịch là ám chỉ bậc thánh nhân hoặc người quân tử.

Quẻ Càn có 6 hào dương. Hào sơ cửu quẻ Càn viết: «Tiềm long vật dụng.» 潛龍勿用. Chu Dịch Chính Nghĩa 周易正義 của Khổng Dĩnh Đạt 孔穎達 chú thích: «Tiềm giả ẩn phục chi danh, long giả biến hoá chi vật.» 潛者隱伏之名, 龍者變化之物 (Tiềm là ẩn phục, rồng là con vật biến hoá). Trình Thị Dịch Truyện 程氏易傳 của Trình Di 程頤 giảng: «Long chi vi vật linh biến bất trắc. Cổ dĩ tượng Càn đạo biến hoá, dương khí tiêu tức, thánh nhân tiến thoái.» 龍之為物靈變不測. 故以象乾道變化, 陽氣消息, 聖人進退 (Rồng là vật linh thiêng, biến hoá khôn lường, cho nên dùng tượng trưng sự biến hoá của đạo Càn, sự thay đổi dương khí, sự tiến thoái của thánh nhân). Sự tiến thoái, xuất xử đúng thời đúng lúc thì mới hữu hiệu. Khi chưa đúng thời thì phải ẩn cư tu dưỡng (tiềm long 潛龍), chớ vội thi thố tài năng (vật dụng 勿用). Đó là đức của rồng (long đức) như Văn Ngôn 文言 hào sơ cửu quẻ Càn nói: «Long đức nhi ẩn giả dã.» 龍德而隱者也 (Đức của rồng là ở ẩn). Đức của quân tử là đức của tiềm long: Khi ẩn cư, ý chí và tiết tháo không bị đổi dời vì cuộc đời ô trọc (bất dịch hồ thế 不易乎世), tu dưỡng không phải để cầu mong cái hư danh ở đời (bất thành hồ danh 不成乎名), lánh đời nhưng an nhiên tự tại chứ không hề sầu muộn (độn thế vô muộn 遯世無悶), dù không ai biết đến mình cũng chẳng phiền muộn (bất kiến thị nhi vô muộn 不見是而無悶), việc xứng ý thì thi hành, việc không xứng ý thì không thi hành (lạc tắc hành chi, ưu tắc vi chi 樂則行之, 憂則違之), ý chí đã kiên định nên không gì có thể

khuyh đảo được (xác hồ kỳ bất khả bạt 確乎其不可拔). Như thế mới xứng là rồng ẩn trong đời (tiềm long dã 潛龍也).

Sau thời kỳ tiềm ẩn tu dưỡng, thánh nhân hay bậc quân tử bắt đầu xuất hiện. Hào cửu nhị quẻ Càn viết: Hiện long tại điền, lợi kiến đại nhân 現龍在田利見大人 (Rồng xuất hiện nơi ruộng; [dân chúng] có lợi vì gặp đại nhân). Vương Bật 王弼 chú: «Xuất tiềm ly ẩn, cố viết hiện long; xử ư địa thượng, cố viết tại điền» 出潛離隱故曰現龍; 處於地上故曰在田 ([Rồng] thoát ly giai đoạn tiềm ẩn [nơi vực sâu] gọi là «hiện long»; xuất hiện nơi mặt đất gọi là «tại điền»). Bậc đại nhân, về mặt đời, là bậc quý tộc; về mặt đạo, là bậc thánh nhân. Đó là bậc chưa đánh mất thiên lương, chưa đánh mất xích tử chi tâm, nên dân chúng sẽ có lợi khi gặp người.

Tuy nhiên, dù được ngưỡng vọng, bậc thánh nhân hay quân tử cũng phải luôn luôn gắng sức tu dưỡng bản thân để tránh lỗi lầm. Trong việc tu dưỡng và hành xử, phải biết tùy thời mà tiến thoái, hành tàng. Nếu không hiểu biết thời thế, cứ tự tôn tự đại, muốn người khác phải theo mình thì khác nào rồng gắng tranh đấu nơi ruộng, kết cục chỉ là bại thương đẫm máu [22] như hào thượng lục quẻ Khôn nói: «Long chiến vu dã, kỳ huyết huyền hoàng.» 龍戰于野, 其血玄黃 (Rồng đánh nhau nơi ruộng, đổ máu đen máu vàng).

Trong sáu hào quẻ Càn, hào 1 và 2 chỉ Địa đạo 地道, hào 3 và 4 chỉ Nhân đạo 人道, hào 5 và 6 chỉ Thiên đạo 天道. Ở hào cửu ngũ quẻ Càn, rồng bay trên trời (phi long tại thiên 飛龍在天) đó là hình tượng bậc thánh nhân đã xong Nhân đạo và bước vào Thiên đạo; đạt địa vị cương kiện trung chính, âm dương hỗn hoá; là bậc đắc đạo, có đệ nhị xác thân, hình thần cùng huyền diệu, hoà hợp với đạo, có thể phân thân, khác nào rồng bay trên trời ẩn hiện khôn lường, tùy thời mà giúp đời, bởi bản thân đã trung chính và làm cho vạn vật trung chính, nên mới được gọi là đại nhân; và dân chúng có lợi khi gặp

ngài (lợi kiến đại nhân 利見大人). Rồng bay trên trời, mây bay theo (vân tòng long 雲從龍). Mây giáng sấm chớp, đem mưa tẩm mát cho muôn loài, cho cỏ cây xanh tươi, cho mùa màng phong nhiêu, cho người người sung túc, ấm no. Đó là ngụ ý bậc thánh nhân đem lợi ích cho đời, thể hiện Càn đạo (đạo của Trời): «Vân hành vũ thí phẩm vật lưu hình.» 雲行雨施品物流形 (Mây bay, mưa giáng; vạn vật hanh thông và thành tựu).

Tuy nhiên, thánh nhân hay quân tử cũng phải biết cảnh giác, phải biết tùy thời: nếu mạnh mẽ thái quá, chỉ biết cương mà không biết nhu, chỉ biết tiến mà không biết thoái, thì chỉ chuốc lấy ân hận. Đó là hình ảnh của kháng long 亢龍 (rồng bay quá cao) mà hào thượng cửu quẻ Càn cảnh báo: «Kháng long hữu hối.» 亢龍有悔 (Rồng bay quá cao, ắt sẽ hối hận). Đức trời (thiên đức 天德) tuy cương kiện nhưng cũng phải khiêm nhu. Người quân tử hay bậc thánh nhân noi theo thiên đức thì không thể tự coi mình là thủ lĩnh của người khác. Vì thế Tượng truyện quẻ Càn nơi hào dụng cửu nói: «Thiên đức bất khả vi thủ dã.» 天德不可為首也. Bậc quân tử hay thánh nhân dụng cửu 用九 tức là vận dụng thiên đức, cho nên hào dụng cửu quẻ Càn mới nói: «Kiến quần long vô thủ, cát.» 見群龍無首,吉 (xuất hiện bày rồng [mà tất cả đều theo thiên đức là khiêm nhu nên] không có thủ lĩnh; điều tốt).

TẠM KẾT

Từ một vật bình thường như cá sấu,[31] người Trung Quốc cổ đại đã tưởng tượng ra một linh vật (fabulous animal) tổng hợp của nhiều con vật khác, để rồi thần bí hóa và sùng bái nó. Hình tượng rồng bằng bạc khắp nền văn hoá Trung Quốc mấy ngàn năm không suy giảm. Hình tượng rồng dễ dàng bắt gặp trong các công trình kiến trúc, điêu khắc, hội họa, âm nhạc, thi ca, văn chương, vũ đạo, tín ngưỡng dân gian, thần thoại, v.v... Quả thực, hình tượng rồng vẫn hằng tồn tại trong tâm tưởng

và trong đời sống tâm linh của người dân Trung Quốc. Phát xuất từ tín ngưỡng dân gian này, các tác giả của Chu Dịch đã mượn hình tượng rồng để ám chỉ bậc quân tử hay thánh nhân, biết tu dưỡng đạo đức (tiến đức tu nghiệp 進德修業), biết lẽ cương nhu tiến thoái, biết tùy thời hành xử để mang lại ích lợi cho mình và cho mọi người; và còn hơn thế nữa, biết vượt lên nhân đạo để huyền đồng với thiên đạo. Đường như đó là một triết lý về nhân sinh và tâm linh mà các tác giả của Chu Dịch - những bậc hiền minh thánh triết ngàn xưa - muốn di tặng hậu nhân.

RỒNG RẮN

F: Dragon et serpent.

Rồng rắn: Con rồng và con rắn.

Thi văn dạy Đạo có câu:

Rồng rắn cùng đời rồng hóa rắn,
Vinh huê ngó lại giấc mơ màng.

RỦ REN RÙ QUẪN

Kinh Sâm Hối có câu:

*"Cũng đừng bài bạc lận nhau,
"Rủ ren rù quển, lấy xâu ăn đầu."*

RUÔI DONG

E: To run quickly.

F: Courir rapidement.

Ruôi-dong: Chạy mau, đi mau

Bài Kinh Niệm Hương có câu:

*"Xin Thần, Thánh **ruột-dong** cõi hạc,
"Xuống phàm-trần vợi gác xe Tiên."*

RUỘT RÀ THƯƠNG NHAU

Kinh Sám Hối có câu:

*"Cũng là một gốc sanh ra,
"Gồm bao nâng đỡ **ruột-rà thương nhau.**"*

RỬA RÁY

Làm cho trong sạch, tốt đẹp hơn lên, làm cho xứng đáng

Đức Hộ-Pháp nói: "ĐẠO CAO-ĐÀI tức Đạo Tổ-Phụ của chúng ta chỉ mới có hai mươi mấy năm thôi; nếu chúng ta kể từ ngày Chuyển thể của nó. Nhưng Thánh-thể Đức Chí-Tôn và toàn thể con cái Nam Nữ của Ngài nên nhớ rằng: Đạo Tổ Phụ mấy người đã 2.500 tuổi. Phải nhớ điều đó! Đức Chí-Tôn muốn **rửa-ráy** nó. Để nói rõ Thánh ý của Đức Chí-Tôn đến mức nào và Ngài muốn gì? Giờ phút này cả toàn con cái của Ngài chắc có lẽ thắc-mắc. Vì vậy: Nội tình của Đạo gặp nhiều nỗi khó khăn, nếu chúng ta không nói rằng nó đã chịu một khó khăn về mọi phương diện.... Nhưng đối với Bàn-Đạo, Bàn-Đạo thấy mỗi phen Đạo chịu khổ nhục, chịu khó khăn hay bị chê rẻ khinh khi thì Bàn-Đạo lại vui mừng mới chướng cho chớ! Bởi mỗi phen như thế là mỗi phen Đức Chí-Tôn muốn rửa-ráy nó, tô điểm nó đến một địa vị cao trọng thêm nữa chớ chẳng chi khác. Cả con cái Đức Chí-Tôn đều tin nơi Bàn-Đạo để con mắt quan sát coi có quả như vậy hay không?"

RỪNG NHU BIỂN THÁNH

E: The forest of books and the ocean of wisdoms.

F: La forêt des livres et l'océan des sagesses.

Rừng: chữ Hán là Lâm, là vùng đất rộng có nhiều cây cối mọc lâu năm. *Nhu:* Nho: ý nói chữ nho trong các kinh sách. *Thánh:* bực sáng suốt hiểu biết các lẽ. **Rừng nhu** là chữ nghĩa và kinh sách của người xưa truyền lại nhiều như cây trong rừng. **Biển Thánh** là sự khôn ngoan sáng suốt hiểu biết của người xưa nhiều như nước biển.

Rừng nhu biển Thánh là chỉ về kinh sách và sự sáng suốt hiểu biết của người xưa nhiều như cây trong rừng, như nước trong biển, người sau học hoài học mãi không bao giờ hết được.

Thầy dạy:

Dày công nấu sữ sôi kinh,
Rừng Nhu biển Thánh công trình biết bao!

RỪNG THIÊN

E: The pagoda.

F: Pagode.

Rừng thiên: từ chữ Thiên lâm 禪林 (Lâm có nghĩa là rừng) mà ra.

Rừng: chữ Hán là Lâm, là vùng đất rộng có nhiều cây cối mọc lâu năm. *Thiên:* ngồi yên lặng suy tưởng. **Rừng thiên**, tức là Thiên lâm, chỉ cảnh chùa, nơi tu hành, vì nơi đó tịch mịch vắng vẻ như ở trong rừng để các nhà tu ngồi thiền định.

Thánh Ngôn Hiệp Tuyển:

Rừng thiên ác xé khuấy non Tần,
Vày-vã từ đây khởi nhọc thân.

RƯỚI

Rưới: Tưới nhẹ nhàng lên cho thấm ướt đều.

Td: Rưới ân Thiên, Rưới lửa phiền.

RƯỚI ÂN THIÊN

E: To bestow the divine favours.

F: Accorder des faveurs divines.

Rưới ân thiên: ban rải hồng ân của trời.

Bài Dâng Hoa:

"Cúi mong Thượng đế rưới ân thiên."

RƯỚI KHỔ

E: To sprinkle the holy water on the misfortune.

F: Asperger l'eau bénite sur le malheur.

Rưới: Tưới nhẹ nhàng lên cho thấm ướt đều. *Khổ:* đau đớn khổ sở. **Rưới khổ** là dùng nước Cam lồ tưới lên nỗi đau khổ để làm cho nỗi đau khổ tiêu tan mất hết.

Nước Cam lồ, tức Cam lồ thủy, là thứ nước huyền diệu do các Đấng Tiên Phật chế thành, có năng lực rất màu nhiệm, có thể cải tử huồn sanh, hay rửa sạch các thứ ô trược trong kiếp sống bám vào chơn thân, v.v....

Thánh Ngôn Hiệp Tuyển:

Nếu chẳng biết thế thời, giọt nước lành dương hết chờ khi rưới khổ đặng.

RƯỚI LỬA PHIỀN

E: To sprinkle on the fire of anger

F: Asperger sur le feu de colère.

Rưới lửa phiền: Làm cho ngọn lửa phiền não không còn bốc lên được.

Thánh Ngôn Hiệp Tuyển:

 Tiên nguồn Thánh ngôn dò chân đến
 Đến đặng là phương **rưới lửa phiền**.

RƯỚI GIỌT NHÀNH DƯƠNG

"Cầu khẩn Đức Từ Bi **rưới giọt nhành dương**, giục tắt lửa lòng, hằng ngày lo tụng kinh cầu sám chuộc tội tiền khiên nên danh hiền triết".

RƯỢU QUỲNH

Rượu quỳnh: Chữ Hán gọi là Quỳnh tương 琼漿. Quỳnh là loại ngọc màu đỏ, được vua chúa hay các nhà quyền quý mượn thợ gọt đẽo, tạo thành cái chung uống rượu, cái chất ngọc quỳnh làm tăng thêm mùi vị thơm ngon của rượu.

Bà Đoàn viết về Nữ Trung Tùng Phận có câu:

 Nào khi sắc so tài đẹp dạ,
 Nào khi nhen hương hỏa ba sinh.
 Chừ toan bút mảnh tơ tình,
 Trà ngâu chê nhớ, **rượu quỳnh** chối thương.

HẾT VẦN R
